

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 51/2024/DS-ST

Ngày 13/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và
“*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ
thanh toán*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Bá Bảo.

2. Ông Nguyễn Văn Đích.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P. Địa chỉ: Số 41-45 đường L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn Q, chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ và ông Lê Đình V, chức vụ: Trưởng bộ phận Thu hồi nợ; địa chỉ liên hệ: Số 34-36 đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HDQT ngày 14/3/2023; Quyết định số 23007506/2023/QĐ-NS&ĐT ngày 11/07/2023 và Giấy ủy quyền số 169/GUQ-OCB.23 ngày 15/8/2023). *Có mặt.*

* Bị đơn: ông **Võ Tấn M**, sinh năm 1967 và bà **Dương Thị L**, sinh năm 1975; cùng cư trú tại: **số 763 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện của **Ngân hàng TMCP P (O)** và ý kiến ông **Đinh Văn Q** là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trong quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:*

Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh T1 (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** đã ký Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/3/2022. Theo Hợp đồng tín dụng này Ngân hàng đồng ý cho Bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** vay số tiền là **1.950.000.000** đồng (*Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*) với lãi suất được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng trên. Ngày 28/03/2022, bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** đã ký giấy nhận nợ và nhận số tiền trên tại Ngân hàng.

Tiếp đến ngày 23/08/2022, Ngân hàng với bà **Dương Thị L** đã ký Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022. Theo Hợp đồng này Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng thẻ cho bà **Dương Thị L** với số tiền là **50.000.000** đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là bất động sản nhà và đất tại thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: **Lô số 10, khu dân cư Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do Ủy ban nhân dân quận **L** - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005. Tài sản trên đã được bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** thế chấp để vay vốn Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022. Đã được **Văn phòng C**, thành phố Đà Nẵng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng chúng tôi tính đến thời điểm hiện tại khoản vay trên đã phát sinh nợ xấu tại Ngân hàng. Mặc dù, chúng tôi đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng nhưng mọi thiện chí của chúng tôi đều không được bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** đáp trả. Khoản vay này Ngân hàng chúng tôi chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).- Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 trên đã phát sinh nợ xấu tại OCB, cụ thể phát sinh quá hạn từ kỳ trả nợ ngày 05/7/2023 đến kỳ trả nợ ngày 05/8/2024 với tổng là 14 kỳ quá hạn liên tiếp. Tính đến ngày 13/8/2024, bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** mới thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 trên được tổng số tiền là 333.771.480 đồng, trong đó: Nợ gốc đã thanh

toán: 115.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn đã thanh toán: 215.877.934 đồng, nợ lãi quá hạn đã thanh toán: 2.513.546 đồng.

Số nợ còn lại tính đến ngày 13/8/2024 ông **M**, bà **L** chưa thanh toán là: **2.148.498.128** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.834.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 313.878.128 đồng.

- Đối với khoản vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 giữa **Ngân hàng TMCP P** với bà **Dương Thị L** thì bà **L** vi phạm hợp đồng từ ngày 10/01/2024, đến nay đã trễ hạn 217 ngày. Tính đến ngày 13/8/2024 bà **L** còn nợ số tiền **67.416.111** đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.698.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 19.917.486 đồng, nợ phí thẻ: 2.800.000 đồng.

Do bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** phải trả ngay toàn bộ nợ vay cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền còn nợ của hai hợp đồng nói trên cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** phải trả số tiền **2.148.498.128** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.834.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 313.878.128 đồng.

+ Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 giữa **Ngân hàng TMCP P** với bà **Dương Thị L**, phải trả số tiền **64.616.111** đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.698.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 19.917.486 đồng. Riêng khoản nợ phí thẻ: 2.800.000 đồng Ngân hàng xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền này nữa.

Như vậy, tổng số tiền còn nợ của cả hai hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 ông **M**, bà **L** phải trả cho Ngân hàng là **2.213.114.239** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.879.318.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 333.795.614 đồng.

Yêu cầu ông **M**, bà **L** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** thanh toán xong nợ (cả gốc và lãi) theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022.

Trường hợp bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho **Ngân hàng TMCP P**, kính đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản mà bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** đã thế chấp tại **Ngân hàng TMCP P** là nhà và đất tại thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: **Lô S, khu dân cư Q, phường H,**

quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do Ủy ban nhân dân quận L - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022 để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ.

*** Tại phiên tòa, Bị đơn là ông Võ Tấn M vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05 tháng 3 năm 2024, Bị đơn là ông Võ Tấn M trình bày:**

Tôi xác nhận vào ngày 25/3/2022, tôi và bà Dương Thị L có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Vào ngày 28/3/2022 thì chúng tôi đã được giải ngân toàn bộ số tiền trên.

Khi vay, vợ chồng chúng tôi có thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: Lô số 10, khu dân cư Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do Ủy ban nhân dân quận L - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền gốc là 1.899.648.625 đồng (tính đến 15/8/2023) và tiền lãi phát sinh thì tôi đồng ý. Nhưng hiện tại tôi đang khó khăn về kinh tế nên đề nghị xử lý tài sản thế chấp để xử lý theo quy định của pháp luật. Hiện tại nhà và đất của tôi đang đóng cửa, không có người sử dụng, tôi và bà L hiện đang sống riêng 02 nơi, tôi không biết hiện nay bà L đi đâu và làm gì. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi.

*** Bà Dương Thị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không cung cấp bản tự khai nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không có ý kiến phản hồi gì về các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn.**

Toà án đã tiến hành xác minh, được địa phương cung cấp hiện nay ông Võ Tấn M và bà Dương Thị L đang cư trú tại số nhà 763 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án án như sau:**

Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với HĐXX: tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần vắng mặt tại các phiên họp, phiên toà xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 317, 318, 319, 299 và 303 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M;

Buộc bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ của cả hai hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 là **2.213.114.239** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.879.318.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 333.795.614 đồng, cụ thể số nợ phải trả của từng hợp đồng như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả số tiền **2.148.498.128** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.834.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 313.878.128 đồng.

+ Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả số tiền **64.616.111** đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.698.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 19.917.486 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M thanh toán xong nợ (cả gốc và lãi) theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022.

Trường hợp bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là nhà và đất tại thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: **Lô số 10, khu dân cư Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do Ủy ban nhân dân quận L - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005 đứng tên bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022 (đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận L) sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP P. Riêng khoản nợ phí thế:

2.800.000 đồng Ngân hàng rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP P và bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” và “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với bà Dương Thị L, ông Võ Tấn M và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với bà Dương Thị L đều trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Mặc dù tại phiên tòa bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M đều vắng mặt nhưng tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 05/3/2024 ông Võ Tấn M cũng thừa nhận vào ngày 25/3/2022, ông và bà Dương Thị L có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 1.950.000.000 đồng. Bên cạnh đó, tuy ông Võ Tấn M không đề cập đến Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 Ngân hàng TMCP P đã ký kết với bà Dương Thị L nhưng ông lại thừa nhận: *Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền gốc là 1.899.648.625 đồng và tiền lãi phát sinh thì tôi đồng ý* (trong đó bao gồm tiền gốc còn nợ của cả hai hợp đồng tính đến ngày 15/8/2023 và lãi phát sinh). Như vậy, mặc nhiên ông Võ Tấn M đã thừa nhận cả khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín

dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 mà bà **Dương Thị L** đã ký kết với Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 đã phát sinh nợ xấu tại OCB, cụ thể phát sinh quá hạn từ kỳ trả nợ ngày 05/7/2023 đến kỳ trả nợ ngày 05/8/2024 với tổng là 14 kỳ quá hạn liên tiếp. Tính đến ngày 13/8/2024, bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 được tổng số tiền là 333.771.480 đồng, trong đó: Nợ gốc đã thanh toán: 115.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn đã thanh toán: 215.877.934 đồng, nợ lãi quá hạn đã thanh toán: 2.513.546 đồng. Số nợ gốc còn lại là 1.834.620.000 đồng và lãi phát sinh 313.878.128 đồng ông bà vẫn không thanh toán dứt điểm. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 bà **L** vi phạm hợp đồng từ ngày 10/01/2024, đến nay đã trễ hạn 217 ngày. Tính đến ngày 13/8/2024 bà **L** còn nợ số tiền 64.616.111 đồng, trong đó: nợ gốc: 44.698.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 19.917.486 đồng.

Vì vậy **Ngân hàng TMCP P** yêu cầu bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của cả hai hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 là **2.213.114.239** đồng, trong đó: nợ gốc: 1.879.318.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 333.795.614 đồng.

Xét thấy việc bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** không trả nợ đúng kỳ hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, **Ngân hàng TMCP P** yêu cầu buộc bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nói trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên chấp nhận.

[3] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** thanh toán xong nợ (cả gốc và lãi) theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016.

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022 được **Ngân hàng TMCP P** và bà **Dương Thị L**, ông **Võ Tấn M** ký kết hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai quận L** theo quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Do đó, sự

thỏa thuận thế chấp trên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, trường hợp bà **Dương Thị L** và ông **Võ Tấn M** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho **Ngân hàng TMCP P** thì tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: **Lô số 10, khu dân cư Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do **Ủy ban nhân dân quận L** - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022 sẽ được xử lý theo quy định tại các Điều 299, 303 của Bộ luật dân sự để **Ngân hàng TMCP P** thu hồi nợ vay.

- Đối với khoản nợ phí thế: 2.800.000 đồng, tại phiên toà Ngân hàng rút yêu cầu, HĐXX xét thấy việc Ngân hàng rút phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP P** được chấp nhận nên bà **Dương Thị L**, ông **Võ Tấn M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà **Dương Thị L**, ông **Võ Tấn M** phải chịu là 76.262.200 đồng (làm tròn).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền tạm ứng án phí 35.803.998 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002395 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng bà **Dương Thị L**, ông **Võ Tấn M** phải chịu. Tuy nhiên, **Ngân hàng TMCP P** đã nộp tạm ứng (đã nộp và chi phí xong). Do đó, bà **Dương Thị L**, ông **Võ Tấn M** phải trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 317, 318, 319, 299 và 303 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn là bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M;

+ Buộc bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ của cả hai hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 là 2.213.114.239 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.879.318.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 333.795.614 đồng. Cụ thể số nợ phải trả của từng hợp đồng như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả số tiền 2.148.498.128 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.834.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 313.878.128 đồng.

+ Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022 bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M phải trả số tiền 64.616.111 đồng, trong đó: nợ gốc: 44.698.625 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 19.917.486 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M thanh toán xong nợ (cả gốc và lãi) theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0095/2022/CTV/HĐTD ngày 25/03/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân số 055/TV/082022 ngày 23/08/2022.

Trường hợp bà Dương Thị L và ông Võ Tấn M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP P thì tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 96 (số cũ: 10), tờ bản đồ số 127 (số cũ: 00), địa chỉ: Lô số 10, khu dân cư Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 314377, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01873 do Ủy ban nhân dân quận L - thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/12/2005, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0095/2022/CTV/HĐTC ngày 25/03/2022 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ vay. - Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP P về khoản nợ phí thẻ: 2.800.000 đồng. 2. Án phí dân sự sơ thẩm: 76.262.200 đồng bà Dương Thị L, ông Võ Tấn M phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 35.803.998 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002395 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Dương Thị L, ông Võ Tấn M phải trả lại cho Ngân hàng TMCP P 3000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục thi hành án dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa